

# Tờ Dữ Liệu An Toàn

## ĐOẠN 1 NHẬN DIỆN SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

### Brake and Clutch Fluid DOT 3, 4

**Sử dụng sản phẩm:** Dầu phanh  
**(Các) số sản phẩm:** 510662, 510663  
**Nhận diện công ty**  
Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam  
Lô F4 - Khu Công nghiệp Đình Vũ - An Hải  
Hải Phòng  
Việt Nam

#### Phản Ứng khẩn cấp khi vận chuyển

Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Đặt tại Hoa Kỳ. Nhận điện thoại quốc tế người nhận trả. (800) 231-0623 hay (510) 231-0623

#### Sức khỏe khẩn cấp

Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Đặt tại Hoa Kỳ. Nhận điện thoại quốc tế người nhận trả. (800) 231-0623 hay (510) 231-0623

#### Thông tin sản phẩm

điện thư : CLVLTech@chevron.com  
Thông tin sản phẩm: +84-4-37332545  
Số FAX: +84-4-37332555

## ĐOẠN 2 CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

THÀNH PHẦN	SỐ CAS	SỐ LƯỢNG
Ête monobutyl glycol trietylen	143-22-6	20 - < 30 % trọng lượng
Glycol dietylen	111-46-6	15 - < 25 % trọng lượng
Este borat ête monometyl glycol trietylen	30989-05-0	5 - 20 % trọng lượng
Ête monobutyl glycol polyetylen	9004-77-7	5 - 10 % trọng lượng
Ête monobutyl glycol dietylen	112-34-5	< 3 % trọng lượng
Ête monometyl glycol dietylen	111-77-3	< 3 % trọng lượng

## ĐOẠN 3 NHẬN DẠNG CHẤT NGUY HIỂM

#### XÉP LOẠI:

- Xón rát mắt: Loại 2A.
- Chất độc đối với khả năng sinh sản: Loại 2.



Từ Ngữ Báo Hiệu: Cảnh báo

### Những mối nguy hiểm về sức khỏe:

- Gây rát mắt nghiêm trọng (H319).
- Nghi ngờ gây hại khả năng sinh sản hoặc thai nhi (H361).

### ĐỀ PHÒNG

#### Ngăn ngừa:

- Thâu thập hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng (P201).
- Không xử lý cho đến khi đọc kỹ và hiểu rõ tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn (P202).
- Rửa kỹ sau khi xử lý (P264).
- Mang bao tay bảo hộ, quần áo bảo hộ và dụng cụ bảo vệ mặt (P280).

#### Hồi báo:

- **NẾU LỘT VÀO MẮT:** Súc rửa cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kiếng áp tròng ra, nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa (P305+P351+P338).
- **NẾU đã tiếp xúc hoặc lo ngại về điều đó:** Nên người hỏi ý kiến / chăm sóc y tế (P308+P313).
- **Nếu mắt vẫn còn bị tổn rát:** Nên người hỏi ý kiến / chăm sóc y tế (P337+P313).

#### Lưu trữ:

- Bảo quản có khóa (P405).

#### Thải bỏ:

- Thải bỏ những thứ bên trong / thùng chứa theo quy định của địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế (P501).

## ĐOẠN 4 PHƯƠNG PHÁP SƠ CỨU

**Mắt:** Lập tức dội nước để rửa mắt trong khi vẫn mở mi mắt. Nếu đeo kiếng áp tròng thì tháo ra sau lần dội ban đầu, và tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm nơi chữa trị y tế nếu vẫn còn thấy rát.

**Da:** Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Để phòng ngừa, tháo quần áo và giày dép nếu bị thấm nhiễm. Để gột hết chất này ra khỏi da, sử dụng xà bông và nước. Hãy thải bỏ quần áo và giày dép đã thấm nhiễm hoặc giặt rửa thật kỹ trước khi dùng lại.

**Ăn:** Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Đừng làm nôn mửa. Biện pháp đề phòng là hỏi ý kiến y tế.

**Hít vào:** Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Nếu tiếp xúc chất liệu trong không khí ở mức quá cao, đưa người bị tiếp xúc ra chỗ không khí trong lành. Hãy đến nơi chăm sóc y tế nếu bị ho hay khó chịu ở đường hô hấp.

**Lưu ý cho bác sĩ:** Trong một tai nạn liên quan đến thiết bị áp lực cao, sản phẩm này có thể bị phun sâu vào da. Tai nạn như vậy có thể tạo ra vết thủng nhỏ, đôi khi không chảy máu. Tuy nhiên, do lực truyền, chất liệu tiêm vào đầu ngón tay có thể lún nơi lòng bàn tay. Trong vòng 24 giờ, thường bị sưng nhiều, đổi màu, và đau nhói. Nên chữa trị ngay tại trung tâm phẫu thuật khẩn cấp.

## ĐOẠN 5 PHƯƠNG PHÁP CHỮA CHÁY

**PHƯƠNG TIỆN DẬP TẮT:** Dùng màn nước, chất bột, hóa chất khô hay dioxit cacbon (CO<sub>2</sub>) để dập lửa.

**Các Mối nguy Hòa hoạn Bất thường:** Rò rỉ / thùng vỡ trong hệ thống cao áp sử dụng chất loại này có thể gây hiểm họa hỏa hoạn khi ở gần nguồn gây cháy (ví dụ: lửa ngọn, đèn báo, tia lửa, hoặc cung lửa điện (hồ quang)).

### BẢO VỆ LÍNH CỨU HỎA:

**Chỉ dẫn chữa cháy:** Chất này sẽ cháy, mặc dù không dễ gì kích hỏa. Xem Đoạn 7 để biết cách xếp dỡ và bảo quản đúng quy định. Khi xảy ra hỏa hoạn liên can đến chất này thì đừng đi vào bất cứ nơi quây kín hoặc chật hẹp bit bùng nào đang cháy mà không có trang bị bảo vệ thích hợp, kể cả dụng cụ thở độc lập.

**Sản phẩm đốt cháy:** Tùy thuộc rất lớn vào điều kiện cháy. Một hỗn hợp phức chất – gồm các thành phần đặc, lỏng và khí, trong đó kể cả monoxit cacbon, dioxit cacbon, và hợp chất hữu cơ chưa rõ gốc tích – sẽ sinh ra trong không khí khi chất này đang cháy.

## ĐOẠN 6 PHƯƠNG PHÁP GIẢM TAI NẠN

**Phương pháp bảo vệ:** Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy ở khu vực gần chất liệu chảy tràn.

**Kiểm soát chảy tràn:** Hãy chặn đứng nguồn phóng thích nếu có thể thực hiện mà không bị nguy cơ rủi ro nào. Nên không chế chất thoát ra để ngăn ngừa tiếp tục thấm nhiễm mặt đất, nước mặt hay nước ngầm. Dọn sạch vết loang càng sớm càng tốt ngay khi có thể, và nhớ tuân thủ biện pháp đề phòng ghi trong phần Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân. Nên dùng những kỹ thuật thích hợp, ví dụ như áp dụng phương pháp bơm hoặc sử dụng chất hấp thu nhanh nhưng khó cháy. Nếu khả thi và thích hợp thì dỡ bỏ lớp đất đã thấm nhiễm. Hãy đặt chất đã thấm nhiễm vào thùng chứa 'chỉ dùng một lần' rồi thải bỏ theo cách thức phù hợp với quy định hiện hành.

**Báo cáo:** Báo cáo vết dầu loang cho chính quyền địa phương khi thích hợp hoặc cần thiết.

## ĐOẠN 7 XÉP DỠ VÀ BẢO QUẢN

**Phương pháp phòng ngừa:** KHÔNG SỬ DỤNG TRONG CÁC HỆ CAO ÁP ở gần ngọn lửa, tia lửa và bề mặt nóng bỏng. Chỉ dùng tại nơi thông thoáng tốt. Nhớ luôn luôn đậy kín thùng chứa. Không để dính vào mắt, trên da hoặc quần áo. Không để dính vào mắt. Không ném hay nuốt vào. Rửa kỹ sau khi xử lý. Nhớ để ngoài tầm tay trẻ em.

**Nguy hiểm tĩnh:** Tĩnh điện có thể tích tụ và gây ra tình trạng nguy hiểm khi xử lý chất này. Có thể cần phải giữ chặt và tiếp đất để giảm thiểu hiểm họa này, nhưng bản thân những điều đó có thể là chưa đủ. Hãy xem lại mọi hoạt động có thể tạo ra và tích tụ tĩnh điện và / hoặc môi trường không khí dễ cháy (kể cả việc châm đầy bồn chứa và thùng chứa, châm đầy kiểu bắn tóe, làm vệ sinh bồn chứa, lấy mẫu, đo đặc, bật công tắc, lọc lựa, trộn, khuấy, hoạt động hút chân không) và vận dụng các phương thức thích hợp để giảm thiểu nguy cơ.

**Cảnh Báo Trên Thùng Hàng:** Thùng chứa không dùng để chịu áp suất cao. Không dùng áp lực để thổi sạch thùng chứa, vì nó có thể thủng vỡ với lực nổ mạnh. Các thùng chứa rỗng còn vương lại cặn sản phẩm (ở thể đặc, lỏng, và / hoặc hơi) và có thể rất nguy hiểm. Đừng tăng áp, cắt, hàn điện, hàn đồng, hàn hợp kim, khoan, mài, hoặc phơi bày thùng chứa như thế ra trước nhiệt, ngọn lửa, tia lửa, tĩnh điện, hoặc nguồn kích hỏa khác. Chúng có thể nổ tung và gây thương tật hoặc tử vong. Nên xả thùng ống rỗng hoàn toàn, đậy kín và nhanh chóng trả lại cho nơi tân trang thùng hay bỏ đúng cách.

## ĐOẠN 8 KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

### THẬN TRỌNG CHUNG:

Hãy cân nhắc những hiểm họa tiềm tàng của chất này (xem Đoạn 3), các giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm hiện hành, hoạt động cần thực hiện trong công việc – cùng với những chất khác tại nơi làm việc – khi thiết kế biện pháp kiểm soát kỹ thuật và chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân. Nếu biện pháp kiểm soát kỹ thuật hoặc cung cách làm việc vẫn chưa thỏa đáng để phòng tránh tiếp xúc phơi nhiễm với mức nguy hại của chất này thì nên dùng trang thiết bị bảo vệ cá nhân liệt kê ở dưới. Người sử dụng phải đọc và hiểu rõ tất cả các chỉ dẫn và điều hạn chế đi kèm theo thiết bị, vì thông thường chỉ có thể bảo vệ trong một thời gian giới hạn hay trong một số trường hợp nhất định.

### KIỂM SOÁT KỸ THUẬT:

Sử dụng hệ thống thông gió chung, thông gió cục bộ hoặc sự kết hợp cả hai.

### THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

**Bảo vệ mắt / mặt:** Mang trang thiết bị bảo vệ để tránh vấy vào mắt. Loại trang thiết bị bảo vệ có thể lựa chọn là kính an toàn, kính bảo hộ chống hóa chất, tấm che mặt, hoặc kết hợp nhiều loại, tùy vào công việc cần thực hiện.

**Bảo vệ da:** Mang thiết bị bảo vệ cá nhân chống hóa chất (PPE) để tránh sự tiếp xúc với da. Việc lựa chọn quần áo bảo vệ chống hóa chất phải do một Chuyên gia Vệ sinh Lao động hoặc An toàn thực hiện và dựa trên các tiêu chuẩn hiện hành (ASTM F739 hoặc EN 374). Việc sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) hóa học tùy thuộc vào các hoạt động được tiến hành và có thể bao gồm găng tay chống hóa chất, ủng, tạp dề chống hóa chất, bộ đồ chống hóa chất và việc bảo vệ da mặt hoàn chỉnh. Tham khảo các

nhà sản xuất thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) để có thông tin về thời gian đột phá nhằm xác định thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) có thể được sử dụng trong bao lâu trước khi cần thay thế. Trừ khi dữ liệu cụ thể của nhà sản xuất găng tay chỉ ra khác, bảng dưới đây dựa trên dữ liệu công nghiệp có sẵn để hỗ trợ quá trình lựa chọn găng tay và dự kiến chỉ được sử dụng làm tài liệu tham khảo.

Vật liệu găng tay hóa học	Độ dày (mm)	Thời gian đột phá tiêu biểu (phút)
Butyl	0.7	120
Neopren	0.75	30
Nitril	0.8	30
Nitril	0.11	5
Clorua Polyvinyl (PVC)	1.1	15
Viton Butyl	0.3	120

**Bảo vệ hô hấp:** Nói chung không đòi hỏi trang bị bảo vệ hô hấp.

Nên đeo mặt nạ cung cấp không khí (áp lực dương) trong trường hợp mặt nạ lọc khí có thể không bảo vệ đầy đủ.

#### Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp:

Thành phần	Quốc gia/ Cơ quan	Dạng	TWA	STEL	Trần nhà	Chú thích
Este borat ête monometyl glycol trietylen	Việt Nam	--	0.50 mg/m <sup>3</sup>	1 mg/m <sup>3</sup>	--	--
Ête monobutyl glycol dietylen	ACGIH	Phần có thể hít và hơi	10 ppm	--	--	--

Nên tham vấn với chánh quyền địa phương để biết giá trị thích hợp.

### ĐOẠN 9 THÀNH PHẦN LÝ HÓA

**Chú ý:** dữ liệu dưới đây là giá trị tiêu biểu và không phải là chi tiết kỹ thuật.

**Màu sắc:** Màu hổ phách

**Trạng thái vật lý:** Chất lỏng

**Mùi:** Thoảng mùi hay nhẹ

**Ngưỡng mùi:** Không có sẵn dữ liệu

**pH:** 7 - 11.5

**Áp suất hơi:** Không có sẵn dữ liệu

**Tỉ trọng bay hơi (Không khí = 1):** Không có sẵn dữ liệu

**Điểm sôi:** 215°C (419°F) (Tối thiểu)

**Độ hòa tan:** Hòa tan được

**Điểm đông:** Không có sẵn dữ liệu

**Điểm tan chảy:** Không có sẵn dữ liệu

**Tỉ trọng:** 1.03 kg/l - 1.04 kg/l @ 20°C (68°F) (Điển hình)

**Độ nhớt:** 1.50 cSt @ 100°C (212°F) (Tối thiểu)

**Hệ số của Nhiệt độ Giãn nở / °F:** Không có sẵn dữ liệu

**Tốc độ bay hơi:** Không có sẵn dữ liệu

**Hệ số phân bố octanol / nước:** Không có sẵn dữ liệu

#### ĐẶC TÍNH DỄ BẮT CHÁY:

**Điểm bốc cháy:** (Thử nghiệm Closed Cup của Pensky-Martens) > 93 °C (> 199 °F)

**Tự bốc cháy:** Không có sẵn dữ liệu

**Giới hạn dễ bắt lửa (Cháy Nổ) (% theo số lượng trong không khí):** Thấp hơn: Không có sẵn dữ liệu  
Cao hơn: Không có sẵn dữ liệu

## ĐOẠN 10 ĐỘ BỀN VỮNG VÀ PHẢN ỨNG

**Phản ứng:** Có thể phản ứng với axit mạnh hay chất oxy hóa mạnh, như clorat, nitrat, peroxit, v. v...

**Độ bền vững hóa học.:** Chất này được cho là ổn định trong điều kiện nhiệt độ và áp lực xung quanh thông thường và xếp dỡ và bảo quản lưỡng trước.

**Không tương thích với các chất liệu khác:** Không áp dụng

**Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Chưa biết (Chưa nghĩ đến)

**Trùng hợp (polime hóa) nguy hiểm:** Sẽ không xảy ra quá trình polyme hóa nguy hại.

## ĐOẠN 11 THÔNG TIN ĐỘC TỐ

### ẢNH HƯỞNG SỨC KHỎE TRỰC TIẾP

**Mắt:** Tiếp xúc với mắt sẽ gây tổn thương nghiêm trọng. Triệu chứng có thể bao gồm có đau nhức, chảy nước mắt, ửng đỏ, sưng và mờ mắt.

**Xôn mắt:** Chất này gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Da:** Thông tin về trang thiết bị cao áp: Nếu ngẫu nhiên tiêm phun các chất loại này vào dưới da ở tốc độ cao thì có thể gây thương tích trầm trọng. Khi lỡ xảy ra tai nạn như vậy thì phải tìm nơi chăm sóc y tế ngay. Lúc đó vết thương ban đầu tại chỗ tiêm phun dường như chẳng có gì trầm trọng, nhưng nếu bỏ lơ không chữa trị thì có thể bị biến dạng hoặc phải cắt bỏ phần cơ thể bị ảnh hưởng. Dự kiến sẽ không gây ngứa kéo dài hoặc đáng kể khi tiếp xúc với da. Dự kiến sẽ không gây dị ứng da khi tiếp xúc với da. Dự kiến không gây hại cho cơ quan nội tạng nếu hấp thụ qua da.

**Độc tính da cấp tính:** Chất này không được coi là chất độc qua da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Ngứa da:** Chất này không được coi là chất gây kích ứng da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Nhạy cảm da:** Chất này không được coi là chất gây mẫn cảm cho da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Ăn:** Dự kiến không gây hại nếu nuốt vào.

**Độc tố cấp tính qua đường miệng:** Chất này không được coi là chất độc qua đường miệng. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Hít vào:** Dự kiến không gây hại nếu hít phải.

**Độc tố cấp tính hít vào:** Chất này không được coi là chất độc qua đường hô hấp. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Ước tính độc tố cấp tính:** Chưa xác định

### ẢNH HƯỞNG SỨC KHỎE CHẠM HAY ẢNH HƯỞNG KHÁC:

**Sinh sản và khuyết tật bẩm sinh:** Chưa chất có thể gây tác động ngoại ý lên hệ sinh sản nếu nuốt vào, dựa theo dữ liệu trên thú vật.

Xem Đoạn 11 để biết thêm thông tin. Rủi ro tùy theo khoảng thời gian và mức tiếp xúc.

### THÔNG TIN THÊM VỀ ĐỘC TÍNH:

Sản phẩm này chứa glycol dietylen (DEG). Ước tính liều lượng nạp qua miệng gây tử vong khoảng 50 cc (1,6 aoxơ) cho người lớn. DEG gây ra những tác động sau đây trên thú vật thí nghiệm: điều bất thường về gan, hư hại thận và điều bất thường về máu. Có giả thuyết DEG là nguyên nhân gây những tác động sau đây trên con người: điều bất thường về gan, hư hại thận, phổi và hệ thần kinh trung ương.

## ĐOẠN 12 THÔNG TIN SINH THÁI

### **ĐỘC TÍNH SINH THÁI**

Dự kiến chất này không gây hại cho thủy sinh vật.

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

### **CHUYỂN ĐỘNG**

Không có sẵn dữ liệu.

### **ĐỘ BỀN BỈ VÀ PHÂN HỦY**

Dự kiến chất này dễ phân hủy sinh học. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

### **CÓ KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC**

Yếu tố nồng độ sinh học: Không có sẵn dữ liệu.

Hệ số phân bố octanol / nước: Không có sẵn dữ liệu

## **ĐOẠN 13 CẢN THẬN KHI VỨT BỎ**

Sử dụng chất liệu cho mục đích định sẵn hay tái chế nếu có thể. Khi cần thải bỏ, chất này phải đáp ứng tiêu chí về chất thải nguy hiểm – xem định nghĩa của luật pháp và quy định quốc tế, quốc gia, hoặc địa phương.

## **ĐOẠN 14 THÔNG TIN VẬN CHUYỂN**

Mô tả trình bày không áp dụng cho tất cả các trường hợp gửi hàng. Tham khảo 49CFR, hay Quy Định Hàng Hóa Nguy Hiểm (Dangerous Goods Regulations) thích hợp để biết thêm các đòi hỏi mô tả khác (chẳng hạn như tên kỹ thuật) và đòi hỏi gửi hàng theo cách đặc biệt hay theo số lượng đặc biệt.

**Mô Tả Gửi Hàng UN:** NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER THE UNITED NATIONS MODEL REGULATIONS/RECOMMENDATIONS

**Mô tả gửi hàng IMO / IMDG:** NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER THE IMDG CODE

**Mô tả gửi hàng ICAO / IATA:** NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER ICAO

## **ĐOẠN 15 THÔNG TIN QUY ĐỊNH**

### **DÒ TÌM DANH SÁCH QUY ĐỊNH:**

01-1=IARC Nhóm 1

01-2A=IARC Nhóm 2A

01-2B=IARC Nhóm 2B

Không một thành phần nào của chất này có tên trong danh sách bị kiểm soát ở trên.

### **DANH SÁCH HÓA CHẤT:**

Mọi thành phần đều phù hợp với các yêu cầu kiểm kê hóa chất sau đây: AIIIC (Úc), DSL (Canada), EINECS (Liên Minh Châu Âu), ENCS (Nhật Bản), IECSC (Trung Quốc), KECI (Hàn Quốc), NZIoC (Tân Tây Lan), PICCS (Philippin), TCSI (Đài Loan), TSCA (Hoa Kỳ).

## **ĐOẠN 16 CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**BÁO CÁO DUYỆT LẠI:** ĐOẠN 08 - Biện Pháp Kiểm Soát Kỹ Thuật thông tin đã được sửa.

ĐOẠN 08 - Bảng Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp thông tin đã được sửa.

ĐOẠN 08 - Danh Mục Thiết bị bảo vệ cá nhân thông tin đã được xóa.  
 ĐOẠN 08 - THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN thông tin đã được bổ sung.  
 ĐOẠN 08 - Bảo vệ da thông tin đã được sửa.  
 ĐOẠN 09 - THÀNH PHẦN LÝ HÓA thông tin đã được sửa.

**Ngày duyệt lại:** Tháng Mười Hai 28, 2022

**CÁC CHỮ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU NÀY:**

TLV - Giá trị giới hạn ngưỡng	TWA - Trung bình trọng lượng thời gian
STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn	PEL - Giới hạn tiếp xúc cho phép
	CAS - Số Dịch Vụ Tóm Tắt Hóa Chất
ACGIH - American Conference of Governmental Industrial Hygienists	IMO/IMDG - International Maritime Dangerous Goods Code
API - American Petroleum Institute	MSDS - Tờ An Toàn Chất Liệu (Material Safety Data Sheets, hay MSDS)
CVX - Chevron	NFPA - National Fire Protection Association (USA)
	NTP - National Toxicology Program (USA)
IARC - International Agency for Research on Cancer	

Được soạn theo Luật Hóa chất số 6/2007/QH12 bởi Trung tâm Kỹ thuật Chevron, 6001 Đường Bollinger Canyon, San Ramon, CA 94583.

**Thông tin trên dựa theo dữ liệu chúng tôi biết và được cho là chính xác kể từ ngày này. Do có thể áp dụng thông tin này theo các điều kiện ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi và với những điều kiện chưa quen và do dữ liệu có thể có sẵn tiếp theo ngày này, có thể có đề nghị sửa đổi thông tin, chúng tôi không chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng. Thông tin này được cung cấp theo điều kiện là người nhận phải tự quyết định chất liệu thích hợp cho mục đích riêng của mình.**